

**Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng
Việt Nam**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

CC
7

M.S.★

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 3
Báo cáo của Ban Điều hành	4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 8
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	9 - 11
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	13 - 14
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	15 - 82

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chứng Việt Nam ("Ngân hàng") là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Ngân hàng được thành lập ngày 1 tháng 10 năm 2013 từ việc hợp nhất Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam ("PVFC") và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Tây ("WTB") theo Quyết định số 2018/2013/QĐ-NHNN ngày 12 tháng 9 năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN"), trong đó:

- ▶ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam tiền thân là Công ty Tài chính Dầu khí – là thành viên 100% vốn Nhà nước thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, được cổ phần hóa theo Quyết định số 3002/QĐ-DKVN ngày 22 tháng 8 năm 2007 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc "Phê duyệt phương án và chuyển Công ty Tài chính Dầu khí thành Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam". PVFC chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức là công ty cổ phần từ ngày 18 tháng 3 năm 2008 theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0103023045 ngày 18 tháng 3 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy phép hoạt động số 72/2008/GP-NHNN ngày 18 tháng 3 năm 2008 của Thống đốc NHNN. Từ đó đến ngày 30 tháng 9 năm 2013, PVFC hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101057919 điều chỉnh lần thứ 11 ngày 6 tháng 7 năm 2012.
- ▶ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Tây được thành lập theo Giấy phép hoạt động số 0016/NH-GP do Thống đốc NHNN cấp vào ngày 6 tháng 4 năm 1992 và Giấy phép thành lập công ty số 124/NH-ĐKKD do Ủy ban Nhân dân tỉnh Cần Thơ cấp vào ngày 28 tháng 4 năm 1992 và được chấp thuận chuyển đổi từ ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn thành ngân hàng thương mại cổ phần theo Quyết định số 1199/QĐ-NHNN do Thống đốc NHNN cấp vào ngày 5 tháng 6 năm 2007 và đổi tên thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Tây theo Quyết định số 1048/QĐ-NHNN do Thống đốc NHNN cấp vào ngày 28 tháng 4 năm 2010.

Từ ngày 1 tháng 10 năm 2013, PVFC và WTB chính thức chấm dứt hoạt động và chuyển giao toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chứng Việt Nam. Hiện nay, Ngân hàng đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101057919 đăng ký lần đầu ngày 1 tháng 10 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ nhất do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 13 tháng 10 năm 2014.

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ; các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế; chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; cung ứng các dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

Mạng lưới hoạt động

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại 22 Ngõ Quyền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Vào thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, ba mươi bảy (37) chi nhánh, sáu mươi bảy (67) phòng giao dịch và bốn (4) quỹ tiết kiệm trên khắp cả nước.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGÂN HÀNG (tiếp theo)

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Ngân hàng có năm (5) công ty con như sau:

STT	Tên công ty	Giấy phép đăng ký kinh doanh	Lĩnh vực hoạt động	Tỷ lệ % sở hữu của Ngân hàng
1	Công ty Cổ phần Mỹ Khê Việt Nam	4300402211 cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi, cấp lại lần thứ 14 ngày 6 tháng 1 năm 2014 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội	Du lịch	99,95%
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu khí (PSI) (*)	0103014903 cấp lần đầu ngày 14 tháng 12 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội	Chứng khoán	40,96%
3	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Tài chính Đầu khí (PVFC Capital) (*)	23/UBCK-GP ngày 14 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Quản lý quỹ	46,97%
4	Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam (AMC)	1800805372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp lần đầu vào ngày 21 tháng 2 năm 2009	Quản lý tài sản	100%
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Láng Hạ	0101967509 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 24 tháng 10 năm 2011	Bất động sản	94,00% (Sở hữu giàn tiếp qua AMC)

(*) Ngân hàng nắm giữ quyền kiểm soát chi phối các chính sách hoạt động và tài chính của PSI và PVFC Capital.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và tại thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Đình Lâm	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 9 năm 2013
Ông Vũ Huy An	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 9 năm 2013
Ông Trịnh Hữu Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 9 năm 2013
Ông Đoàn Minh Mẫn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 9 năm 2013
Ông Nguyễn Khuyển Nguồn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 9 năm 2013
Ông Võ Trọng Thủy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 9 năm 2013
Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 9 năm 2013

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và tại thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Hải An	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 9 năm 2013
Ông Nguyễn Văn Trung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 9 năm 2013
Bà Bùi Thu Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 9 năm 2013
Bà Đào Kim Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 9 năm 2013
Bà Nguyễn Thị Hương Nga	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2014

BAN ĐIỀU HÀNH VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Điều hành và Kế toán Trưởng trong năm và tại thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 11 năm 2014
	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2014
		Miễn nhiệm ngày 21 tháng 11 năm 2014
Ông Nguyễn Thiện Bảo	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2014
		Miễn nhiệm ngày 21 tháng 11 năm 2014
Bà Nguyễn Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2014
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2014
Ông Dương Xuân Quang	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2014
Ông Ngô Ngọc Quang	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2014
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2014
Ông Phạm Huy Tuyên	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2014
Ông Nguyễn Quốc Khanh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2014
Ông Nguyễn Việt Hà	Giám đốc phụ trách khối Nguồn vốn và Thị trường	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2014
	Tài chính	
Ông Đoàn Đức Minh	Giám đốc phụ trách khối KHCN kiêm Phó Ban Chiến lược	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2014
Bà Võ Thị Hoàng Yến	Phó Giám đốc phụ trách khối QTNNL	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2014
Ông Phạm Đức Thắng	Giám đốc Khối Xử lý nợ	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 12 năm 2014
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Giám đốc Khối KHDN	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 1 năm 2015
Ông Đặng Thế Hiển	Giám đốc Khối Tài chính – Kế toán	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 1 năm 2015
	Kế toán Trưởng	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2014
		Miễn nhiệm ngày 15 tháng 1 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 1 năm 2015

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trong năm và tại thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Đình Lâm, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Nguyễn Hoàng Linh, Tổng Giám đốc được ông Nguyễn Đình Lâm, Chủ tịch Hội đồng Quản trị ủy quyền ký báo cáo tài chính của Ngân hàng theo Giấy Ủy quyền số 8356/UQ-PVB ngày 29 tháng 7 năm 2014.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Ngân hàng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam ("Ngân hàng") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con ("PVcomBank") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH NGÂN HÀNG ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành của Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của PVcomBank trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành của Ngân hàng cần phải:

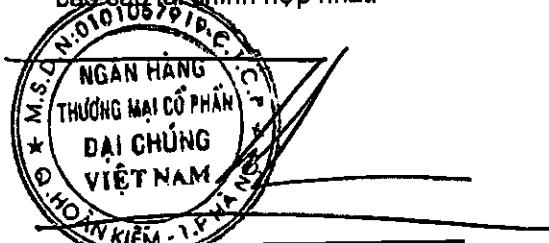
- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho PVcomBank có được tuân thủ hay không và tắt cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng PVcomBank sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành của Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo việc các số kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của PVcomBank, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các số kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành của Ngân hàng cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của PVcomBank và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành của Ngân hàng cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành của Ngân hàng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của PVcomBank vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và các quy định của Ngân hàng Nhà nước có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Ông Nguyễn Hoàng Linh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 4 năm 2015

Số tham chiếu: 61064100/30062014/EY-Pvcombank-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam và các công ty con ("PVcomBank"), được lập ngày 27 tháng 4 năm 2015 và được trình bày từ trang 9 đến trang 82, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Điều hành PVcomBank

Ban Điều hành PVcomBank chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của PVcomBank theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt nam có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành PVcomBank xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của PVcomBank có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của PVcomBank liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của PVcomBank. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành PVcomBank cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 12 - *Ứng trước cho khách hàng*, tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, PVcomBank có một số hợp đồng ủy thác đầu tư trả chậm và ứng trước ủy quyền bán đã đến hạn thanh toán nhưng các nhà đầu tư không nhận lại danh mục đầu tư và chưa hoàn trả số tiền đã nhận ứng trước là 581.268.930.631 đồng và phí ứng trước là 116.000.083.566 đồng (Thuyết minh số 17.1 - *Các khoản lãi, phí phải thu*). PVcomBank đã trích lập dự phòng với số tiền là 266.736.066.946 đồng cho toàn bộ khoản phí ứng trước và một phần giá trị khoản ứng trước cho khách hàng nêu trên. Đồng thời, PVcomBank đã ký kết hợp đồng bán danh mục đầu tư tương ứng của các khoản ứng trước này. Tuy nhiên, do hợp đồng này vẫn đang trong quá trình thực hiện và sẽ chỉ được hoàn tất vào năm 2015 theo như thỏa thuận trong hợp đồng hiện tại nên chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán để xác định giá trị có thể được thu hồi từ hợp đồng này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu số dự phòng đã trích lập đối với khoản ứng trước cho khách hàng và phí ứng trước nói trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 có cần được điều chỉnh hay không.
2. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, PVcomBank có khoản đầu tư vào một công ty con là Công ty Cổ phần Mỹ Khê Việt Nam ("Mỹ Khê") với giá gốc là 210.000.000.000 đồng. Mỹ Khê chưa trích lập dự phòng đầy đủ cho một số khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014. Khi hợp nhất báo cáo của Mỹ Khê tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, PVcomBank chưa trích lập dự phòng bổ sung cho các khoản đầu tư tài chính này. Chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá giá trị có thể thu hồi và dự phòng cần phải trích lập cho các khoản đầu tư tài chính nói trên của Mỹ Khê cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.
3. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 17.2 - *Các khoản phải thu*, tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, PVcomBank đang ghi nhận các chi phí tư vấn phát sinh trong năm 2008 liên quan đến việc niêm yết cổ phiếu của Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Đầu tư Việt Nam (tên công ty trước khi hợp nhất với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Tây thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam) trên sàn chứng khoán Singapore với tổng giá trị là 13.342.954.106 đồng. PVcomBank chưa hoàn thành thủ tục quyết toán với Tập đoàn Đầu tư Việt Nam và chưa ghi nhận các chi phí này vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của PVcomBank tại thời điểm phát sinh. Nếu khoản chi phí này được ghi nhận thì vốn chủ sở hữu của PVcomBank sẽ giảm đi số tiền là 10.407.504.203 đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.
4. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 17.2 - *Các khoản phải thu*, tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, PVcomBank đang ghi nhận một khoản tạm ứng thừa cổ tức cho các cổ đông của Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Tây (tên ngân hàng trước khi hợp nhất với PVFC thành Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam) cho năm tài chính 2011 với tổng giá trị là 47.755.485.010 đồng. Số tiền tạm ứng cổ tức ban đầu trong năm 2011 là 149.636.417.500 đồng. Vào ngày 16 tháng 3 năm 2013 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, PVcomBank tiến hành quyết toán khoản tạm ứng cổ tức trước đây cho năm 2011 là 101.752.763.900 đồng. PVcomBank đang yêu cầu cổ đông hoàn trả lại phần tạm ứng thừa cổ tức còn lại theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Công văn số 9845/BTC-TCHN ngày 29 tháng 7 năm 2013. Tuy nhiên, đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, PVcomBank vẫn chưa thu hồi hết số tiền ứng trước này và chúng tôi cũng không thể thu thập được các bằng chứng nào khác để đánh giá liệu có cần trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho khoản mục này hay không.
5. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, PVcomBank đang ghi nhận vào thu nhập một số khoản lãi dự thu của các khoản nợ không được phân loại là nợ đủ tiêu chuẩn và các khoản lãi dự thu đến hạn nhưng chưa thu được với giá trị lần lượt là 65.647.128.505 đồng và 78.560.694.441 đồng. Theo Thông tư số 05/2013/TT-BTC về hướng dẫn chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có hiệu lực từ ngày 25 tháng 2 năm 2013, PVcomBank phải thực hiện ghi giảm lợi nhuận lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 và thu nhập cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đối với các khoản lãi dự thu này.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu ở đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của PVcomBank vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và các quy định của Ngân hàng Nhà nước có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

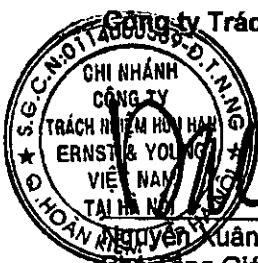
Các vấn đề cần nhấn mạnh

- Như trình bày tại Thuyết minh số 8 - *Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác, tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014, PVcomBank có số dư cho vay một TCTD là 764.925.369.135 đồng và lãi dự thu là 176.991.575.173 đồng. Trong năm 2014, PVcomBank đã thực hiện đánh giá lại hiện trạng khoản nợ, tình hình hoạt động, tài chính của khách hàng và các đối tác có liên quan đến khoản nợ và nhận định rằng khách hàng và các đối tác liên quan có khả năng hoàn trả dư nợ gốc và lãi của khoản cho vay này. Do vậy, PVcomBank đã thực hiện cơ cấu và giữ nguyên nhóm nợ đủ tiêu chuẩn của khách hàng này theo quy định tại Thông tư 09/2014/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước ngày 18 tháng 3 năm 2014. Đồng thời, PVcomBank đã thực hiện tính toán và ghi nhận thêm khoản lãi dự thu của khoản nợ này cho giai đoạn từ ngày 26 tháng 4 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 với số tiền là 97.729.839.870 đồng trên cơ sở đánh giá khả năng trả nợ gốc và lãi của khách hàng như đã trình bày ở đoạn trên.*
- Như trình bày tại Thuyết minh số 13 - *Dự phòng rủi ro cho vay và ứng trước cho khách hàng và Thuyết minh số 14.4 - Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư*, việc hợp nhất Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Đầu tư Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Tây nằm trong đề án tái cơ cấu hệ thống ngân hàng Việt Nam, do vậy PVcomBank đã báo cáo Ngân hàng Nhà nước được thực hiện một số biện pháp tái cơ cấu danh mục tín dụng, thực hiện xử lý các khoản này theo đề án tái cơ cấu được Ngân hàng Nhà nước phê duyệt và thực hiện trích lập dự phòng chung cho trái phiếu chưa niêm yết theo khả năng tài chính.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 14.1 - *Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán* và Thuyết minh số 14.2 - *Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn*, tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, PVcomBank có một số khoản nợ gốc và lãi đang bị quá hạn. PVcomBank đã chấp thuận chủ trương tái cơ cấu nợ đối với các khách hàng nêu trên và đang trong quá trình hoàn chỉnh và xúc tiến phương án thực hiện chủ trương này. PVcomBank đánh giá PVcomBank hoàn toàn có khả năng thu hồi đầy đủ cả gốc và lãi của các khoản mục trên. Do đó, PVcomBank không thực hiện phân loại lại nhóm nợ, trích lập dự phòng bổ sung và thoái thu số dự thu tương ứng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 17.4 - *Tài sản có khác*, tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, số dư các hợp đồng ủy thác đầu tư nhận lãi suất cố định bao gồm một số hợp đồng đã được gia hạn với tổng giá trị là 552.674.444.446 đồng. PVcomBank đang áp dụng Thông tư số 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thắt các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp ("Thông tư 228") để tính và trích lập dự phòng rủi ro cho các khoản mục này. Do Thông tư 228 không có quy định cụ thể về cách lập dự phòng cho các khoản phải thu trong trường hợp có gia hạn thanh toán, PVcomBank phân loại các khoản phải thu liên quan đến các hợp đồng ủy thác đầu tư nói trên vào nhóm chưa quá hạn và không trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản này.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.

Vấn đề khác

Ngày 1 tháng 10 năm 2013, PVcomBank chính thức được thành lập từ việc hợp nhất Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Tây. Do đó, số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm trước là số phát sinh cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013.



Đặng Phượng Hà
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0452-2013-004-1

Đặng Phượng Hà
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2400-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 4 năm 2015

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN HỢP NHẤT tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

B02/TCTD-HN

	<i>Thuyết minh</i>	<i>31/12/2014 VND</i>	<i>31/12/2013 VND</i>
TÀI SẢN			
Tiền mặt	6	181.936.948.257	73.514.886.614
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	7	3.832.269.982.836	2.581.785.517.941
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	8	12.443.676.512.436	11.385.535.115.291
Tiền gửi tại các TCTD khác		9.023.991.143.301	5.462.527.986.425
Cho vay các TCTD khác		3.419.685.369.135	5.967.765.369.135
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác		-	(44.758.240.269)
Chứng khoán kinh doanh	9	183.480.803.856	209.441.729.514
Chứng khoán kinh doanh		247.106.879.403	313.563.502.346
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(63.626.075.547)	(104.121.772.832)
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	10	23.043.850.582	5.241.550.000
Cho vay và ứng trước cho khách hàng		41.963.650.491.341	40.359.696.887.256
Cho vay khách hàng	11	42.383.293.357.436	41.128.410.818.954
Ứng trước cho khách hàng	12	661.099.200.631	661.099.200.631
Dự phòng rủi ro cho vay và ứng trước cho khách hàng	13	(1.080.742.066.726)	(1.427.813.132.329)
Chứng khoán đầu tư	14	25.700.916.632.261	14.049.390.264.546
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		17.459.435.013.661	11.336.619.425.803
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		8.367.844.109.925	2.885.592.732.011
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(126.362.491.325)	(172.821.893.268)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	15	1.743.709.507.323	2.432.464.539.258
Đầu tư vào công ty liên kết		1.500.000.000	1.500.000.000
Đầu tư góp vốn dài hạn khác		1.778.643.682.695	2.468.788.855.597
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(36.434.175.372)	(37.824.316.339)
Tài sản cố định		611.084.401.154	646.200.553.934
Tài sản cố định hữu hình	16.1	371.156.709.742	385.843.088.930
<i>Nguyên giá tài sản cố định</i>		641.233.768.193	596.656.031.961
<i>Hao mòn tài sản cố định</i>		(270.077.058.451)	(210.812.943.031)
Tài sản cố định vô hình	16.2	239.927.691.412	260.357.485.004
<i>Nguyên giá tài sản cố định</i>		311.684.770.415	312.246.716.401
<i>Hao mòn tài sản cố định</i>		(71.757.079.003)	(51.889.251.397)
Tài sản có Khác	17	21.614.692.240.658	29.381.012.659.006
Các khoản phải thu		8.008.724.831.560	9.165.160.266.867
Các khoản lãi, phí phải thu		7.704.923.183.174	6.449.889.043.352
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	21.2	33.711.837.500	38.308.906.250
Tài sản có khác		6.330.358.963.045	14.172.802.140.149
- Trong đó: <i>Lợi thế thương mại</i>		949.451.328.003	951.115.857.916
Dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác		(463.026.574.621)	(445.147.697.612)
TỔNG TÀI SẢN		108.298.461.370.704	101.124.283.703.360

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

B02/TCTD-HN

	<i>Thuyết minh</i>	<i>31/12/2014 VNĐ</i>	<i>31/12/2013 VNĐ</i>
NỢ PHẢI TRẢ			
Tiền gửi và vay các TCTD khác	18	14.286.964.332.886	19.094.521.806.455
Tiền gửi của các TCTD khác		4.212.646.886.369	7.197.054.278.336
Vay các TCTD khác		10.074.317.446.517	11.897.467.528.119
Tiền gửi của khách hàng	19	70.954.913.058.023	49.091.044.305.149
Vốn nhận tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay chịu rủi ro		791.156.023	4.455.753.063.766
Phát hành giấy tờ có giá		20.124.600	26.103.600
Các khoản nợ khác		12.980.614.594.609	18.528.270.320.204
Các khoản lãi, phí phải trả		1.034.093.916.486	1.084.270.463.973
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	21.3	6.326.786.089	18.448.218.583
Các khoản phải trả và công nợ khác	20	11.940.193.892.034	17.407.201.311.747
Dự phòng rủi ro khác	13	-	18.350.325.901
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		98.223.303.266.141	91.169.615.599.174
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn		8.993.403.711.562	8.985.609.983.647
Vốn điều lệ		9.000.000.000.000	9.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần		2.000.000.000	2.000.000.000
Cổ phiếu quỹ		(8.596.288.438)	(16.390.016.353)
Các quỹ dự trữ		542.035.707.631	491.127.926.648
Lợi nhuận chưa phân phối		158.542.078.827	79.069.975.241
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		9.693.981.496.020	9.555.807.885.536
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	22	107.917.284.762.161	100.725.423.484.710
Lợi ích cổ đông thiểu số	22	381.176.608.543	398.860.218.650
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ, VỐN CHỦ SỞ HỮU VÀ LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		108.298.461.370.704	101.124.283.703.360

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

B02/TCTD-HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN

	Thuyết minh	31/12/2014 VNĐ	31/12/2013 VNĐ
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn		4.298.832.198.429	2.164.988.273.597
Cam kết trong nghiệp vụ L/C		1.063.993.089.960	121.240.599.569
Bảo lãnh		3.234.839.108.469	2.043.747.674.028
Các cam kết đưa ra		850.783.330.453	2.763.322.767.187
Cam kết tài trợ cho khách hàng		169.383.330.453	310.187.947.187
Cam kết khác		681.400.000.000	2.453.134.820.000
	36	5.149.615.528.882	4.928.311.040.784

Người lập:

Người phê duyệt:

Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền
Kế toán Trưởng

Ông Đặng Thế Hiển
Giám đốc Khối
Tài chính - Kế toán



Ông Nguyễn Hoàng Linh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 4 năm 2015

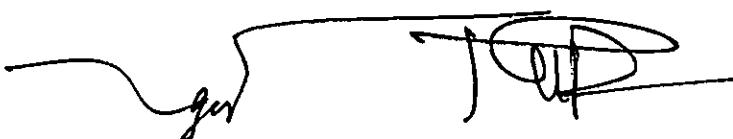
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

B03/TCTD-HN

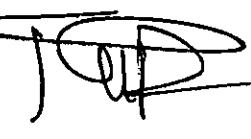
	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 VND</i>	<i>Giai đoạn từ ngày 1/10/2013 đến ngày 31/12/2013 VND</i>
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	24	4.736.226.143.550	1.156.360.802.092
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	25	5.258.809.142.144	1.224.393.180.429
Chi phí lãi thuần		(522.582.998.594)	(68.032.378.337)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		177.982.875.344	56.743.247.869
Chi phí hoạt động dịch vụ		126.584.884.715	52.254.522.544
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	26	51.397.990.629	4.488.725.325
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	27	30.254.642.907	16.330.888.798
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	28	3.852.626.353	2.053.857.669
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	29	54.679.286.337	208.123.466.987
Thu nhập từ hoạt động khác		1.227.518.445.177	396.750.765.625
Chi phí hoạt động khác		96.313.528.572	239.542.607.390
Lãi thuần từ hoạt động khác	30	1.131.204.916.605	157.208.158.235
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	31	762.848.653.353	26.299.353.734
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		1.511.655.117.590	346.472.072.411
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	32	1.397.512.596.101	386.396.776.409
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		114.142.521.489	(39.924.703.998)
Hoàn nhập dự phòng rủi ro tín dụng		48.090.164.132	6.265.083.077
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		162.232.685.621	(33.659.620.921)
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hiện hành	21.1	2.960.130.632	(55.232.919.072)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại		(7.524.363.744)	
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN		(4.564.233.112)	(55.232.919.072)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		166.796.918.733	21.573.298.151
Lợi ích cổ đông thiểu số		14.906.931.051	(7.075.418.453)
LỢI NHUẬN CỦA NGÂN HÀNG		151.889.987.682	28.648.716.604
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	169	32

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Đặng Thế Hiển
Giám đốc Khối
Tài chính - Kế toán



Nguyễn Hoàng Linh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 4 năm 2015

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

B04/TCTD-HN

<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 VND</i>	<i>Giai đoạn từ ngày 1/10/2013 đến ngày 31/12/2013 VND</i>
LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	3.349.925.648.285 (5.521.275.498.788)	1.501.398.981.658 (1.213.958.426.132)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	169.419.859.941	4.488.725.325
Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, ngoại tệ	2.806.939.684 1.230.544.103.941	140.979.646.238 120.837.007.785
Thu nhập khác	30 1.284.588.624	1.734.150.324
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	(1.184.488.015.412)	(367.748.265.571)
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	21.1 (2.590.377.486)	(1.266.127.299)
Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng trong) / từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động	(1.954.372.751.211)	186.465.692.328
Những thay đổi về tài sản hoạt động	1.717.426.611.896	4.573.017.988.542
Giảm các khoản tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	2.988.719.000.004 (2.066.023.919.350)	2.638.208.055.917 (389.380.126.651)
Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán	(17.802.300.581)	(4.822.050.001)
Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	(1.256.882.538.482)	2.452.740.171.284
(Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng	13 (362.089.467.641)	(151.648.337.370)
Sử dụng nguồn dự phòng để bù đắp tồn thắt các khoản nợ xấu	2.431.505.837.946	27.920.275.363
Giảm khác về tài sản hoạt động	7.074.356.453.697 (4.807.557.473.569)	(1.027.634.320.925) (3.030.000.925.817)
Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng trong) / từ hoạt động kinh doanh	21.863.868.752.874	3.759.595.713.356
Giảm phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)	(5.979.000)	(40.021.216.444)
Giảm vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	(4.454.961.907.743)	(39.526.320.237)
Giảm khác về công nợ hoạt động	(5.526.986.938.865)	(1.677.681.571.783)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	6.837.410.314.382	3.731.849.359.945
LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Mua sắm tài sản cố định	(181.752.927.792)	(7.925.424.302)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	4.254.141.436	1.500.000
Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	(1.189.500)
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	-	(20.841.944)
Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	1.326.555.568.112	-
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	122.128.010.756	9.620.421.701
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng trong hoạt động đầu tư	1.271.184.792.512	1.674.465.955

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

B04/TCTD-HN

<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 VND</i>	<i>Giai đoạn từ ngày 1/10/2013 đến ngày 31/12/2013 VND</i>
LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	-	(56.619.000)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng trong hoạt động tài chính	-	(56.619.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	8.108.595.106.894	3.733.467.206.900
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu kỳ	33 7.656.650.611.454	3.923.183.404.554
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối kỳ	33 15.765.245.718.348	7.656.650.611.454

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Thành Huyền
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Đặng Thế Hiển
Giám đốc Khối
Tài chính - Kế toán



Người phê duyệt:

NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
ĐẠI CHỦNG
VIỆT NAM

Nguyễn Hoàng Linh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 4 năm 2015